

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ HẠI - MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC SƠN*

Người bị hại được hiểu là người bị tội phạm gây thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản và có các quyền, nghĩa vụ pháp lý cụ thể, được bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật luật hình sự và tố tụng hình sự. Quyền và bảo đảm quyền của người bị hại được cộng đồng quốc tế quy định trong văn kiện pháp lý quốc tế - đây là những chuẩn mực chung của các quốc gia thành viên (trong đó có Việt Nam). Bài viết phân tích nội dung quyền của người bị hại trong pháp luật quốc tế và đưa ra một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Từ khóa: Người bị hại; điều ước quốc tế; pháp luật quốc tế; tố tụng hình sự; nạn nhân của tội phạm; bồi thường thiệt hại.

Victims are understood as individuals who suffer physical, psychological, or material harm caused by criminal acts. They are entitled to specific legal rights and obligations, which are guaranteed under criminal and criminal procedure law. The rights of victims and the commitment to ensure those rights are also enshrined in international legal instruments, which serve as common standards for member states, including Vietnam. This article analyzes the content of victims' rights under international law and provides recommendations and solutions for improving Vietnam's criminal procedure law in line with international standards.

Keywords: Victims; international treaties; international law; criminal procedure; crime victims; compensation for damage.

NGÀY NHẬN: 11/3/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 28/6/2025

NGÀY DUYỆT: 16/7/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.354.2025.1241>

1. Đặt vấn đề

Tổ chức Liên hiệp quốc đã sử dụng thuật ngữ “nạn nhân của tội phạm” thay vì “người bị hại” và đưa ra định nghĩa về nạn nhân của tội phạm như sau: “Nạn nhân của tội phạm là người, thể nhân hoặc pháp nhân, bị thiệt hại, bao gồm cả tổn hại về thể chất hoặc tinh

thần, cảm xúc đau khổ, thiệt hại về kinh tế hoặc suy giảm đáng kể các quyền cơ bản của họ, bị gây ra bởi hành động hoặc không hành động vi phạm pháp luật hình sự đã

* NCS Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

được ký kết giữa các thành viên”¹. Cách tiếp cận mới làm rõ phạm vi của đối tượng được coi là nạn nhân của tội phạm chứ chưa làm rõ được quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong các vụ án hình sự. Nghiên cứu pháp luật một số quốc gia trên thế giới cho thấy một số quốc gia đã đồng nhất khái niệm “người bị hại” với nạn nhân, đồng thời, cũng đưa ra những cách hiểu khác nhau về “nạn nhân” của tội phạm.

Trên thực tế, khái niệm “nạn nhân của tội phạm” trong khoa học pháp lý Việt Nam được xem xét rộng hơn so với khái niệm “người bị hại”. Tại Việt Nam, *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 quy định: “Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra”². Nói cách khác, trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, khi đã có sự phân định rạch ròi giữa “bị hại” - “người bị hại” thì có thể hiểu thuật ngữ “bị hại” rộng hơn, bao gồm cả “người bị hại” trong đó. Theo đó, có thể hiểu, bị hại bao gồm cả cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản và cả cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra. Vì vậy, người bị hại được hiểu là thể nhân bị tội phạm gây thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản và có các quyền, nghĩa vụ pháp lý cụ thể, được bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

2. Nội dung pháp luật quốc tế về quyền của người bị hại

Quyền và bảo đảm quyền của người bị hại được cộng đồng quốc tế quan tâm từ rất sớm, ngay từ những văn kiện pháp lý quốc tế đầu tiên, như: Hiến chương Liên hiệp quốc năm 1945, Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948, Công ước về các quyền dân sự và chính trị năm 1966... Riêng với quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự, pháp luật quốc tế đã tập trung những quy định về

quyền của nhóm người này trong một số điều ước, như: Tuyên ngôn năm 1985 về các nguyên tắc cơ bản của tư pháp hình sự về nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực (được Đại Hội đồng Liên hiệp quốc thông qua theo Nghị quyết số 40/34 ngày 29/11/1985); Tuyên bố về các nguyên tắc và hướng dẫn cơ bản về việc đền bù và bồi thường cho nạn nhân bị xâm phạm nghiêm trọng quyền con người năm 2006 của Liên hiệp quốc... Đây được coi là những văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng, thể hiện tập trung nhất các quyền của người bị hại trong hệ thống tư pháp hình sự quốc tế.

Nội dung của các Điều ước quốc tế về quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự tập trung vào một số vấn đề, như:

Một là, về phạm vi và thời điểm công nhận nạn nhân của tội phạm.

Khoản 1 Tuyên ngôn của Liên hiệp quốc năm 1985 đã xác định “nạn nhân” bao gồm: “những người, là cá nhân hoặc tập thể, bị xâm hại, kể cả tổn thương về thể chất hoặc tinh thần, đau đớn về tình cảm, thiệt hại về kinh tế hoặc mất đi nhiều quyền cơ bản của bản thân, bởi những hành động hoặc sự thiếu trách nhiệm vi phạm luật hình sự hiện hành tại các quốc gia thành viên. Tại khoản 9 Mục V Tuyên bố năm 2006 của Liên hiệp quốc đã nhấn mạnh về quyền được công nhận đối với nạn nhân của tội phạm.

Hai là, nhóm quyền được tiếp cận công lý và công bằng.

(1) Quyền được đối xử tôn trọng, được tiếp cận công lý một cách nhanh chóng, được khắc phục hậu quả kịp thời. Theo đó, Điều 4 Tuyên ngôn của Liên hiệp quốc năm 1985 đã xác định: “Các nạn nhân nên được đối xử với tình thương và tôn trọng nhân phẩm của họ. Họ được quyền tiếp cận với công lý và được đền bù nhanh chóng theo quy định của pháp luật quốc gia vì thiệt hại mà họ đã phải chịu đựng”.

(2) Quyền được có một hệ thống cơ quan

tư pháp và hành chính để giúp các nạn nhân được bồi thường thông qua các thủ tục tố tụng chính thức hoặc không chính thức nhanh chóng, công bằng, không tốn kém và dễ tiếp cận. Điều 5 Tuyên bố năm 2006 của Liên hiệp quốc khẳng định: nạn nhân phải được thông báo về các quyền của họ trong việc khiếu nại bồi thường thông qua các cơ chế, thủ tục tố tụng. Để bảo đảm cho nạn nhân được đối xử với sự cảm thông, tôn trọng, Điều 4, Tuyên ngôn của Liên hiệp quốc năm 1985 yêu cầu cảnh sát, những người làm nghề tư pháp, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ xã hội và cá nhân liên quan khác.

Ba là, quyền được hỗ trợ tư pháp trong quá trình tham gia tố tụng.

Điều 6 Tuyên ngôn của Liên hiệp quốc năm 1985 đã xác định: được thông báo về vai trò, phạm vi quyền của mình; thời gian và tiến trình tố tụng; đặc biệt là thông tin về việc giải quyết vụ án và nơi mà nạn nhân có thể yêu cầu cung cấp thông tin; được áp dụng các biện pháp cần thiết để giảm thiểu sự bất tiện, bảo vệ quyền bí mật đời tư và khi cần thiết...³. Đoạn 17 Tuyên bố năm 2006 của Liên hiệp quốc yêu cầu các quốc gia phải bảo đảm: (1) Về việc nạn nhân nhận được sự trợ giúp cần thiết về vật chất, y tế, tâm lý và xã hội thông qua các phương tiện tự nguyện của Chính phủ, dựa vào cộng đồng và xã hội; (2) Về việc nạn nhân được thông báo về các dịch vụ xã hội và sức khỏe, các trợ giúp và các điều kiện để họ được tiếp cận dễ dàng; (3) Về việc các nhân viên của cơ quan thực thi pháp luật, nhân viên y tế, dịch vụ xã hội và cá nhân khác được đào tạo để thích ứng với các nhu cầu của nạn nhân và bảo đảm trợ giúp nhanh chóng; (4) Khi thực hiện các hoạt động trợ giúp cho nạn nhân của tội phạm cần phải chú ý những nhu cầu đặc biệt phụ thuộc vào tính chất của thiệt hại đối với họ.

Bốn là, quyền được bảo vệ.

Đoạn 21 Tuyên ngôn của Liên hiệp quốc năm 1985 còn dành một phần riêng để quy

định về các quyền và bảo vệ nạn nhân. Theo đó, trách nhiệm của các quốc gia trong bảo vệ nạn nhân của tội phạm, gồm: (1) Nội luật hóa những quy định cấm lạm dụng quyền lực và quy định cung cấp đền bù cho các nạn nhân của những hành vi lạm dụng. Đặc biệt, sự đền bù nên bao gồm phục hồi hoặc bồi thường và sự trợ giúp cần thiết về vật chất, y tế, tâm lý và hỗ trợ và ủng hộ của xã hội; (2) Ký kết các điều ước quốc tế đa phương liên quan tới bảo vệ nạn nhân; (3) Định kỳ rà soát các luật và thực tiễn đang tồn tại để bảo đảm sự thích nghi với những hoàn cảnh thay đổi; ban hành và thực thi (nếu cần thiết) quy định pháp luật cấm các hành vi cấu thành sự lạm dụng nghiêm trọng quyền lực chính trị hay kinh tế... nên phát triển và thông qua các quyền thích hợp và các đền bù cho nạn nhân.

Năm là, quyền được bảo đảm bồi thường thiệt hại.

Tại khoản 11 Tuyên ngôn của Liên hiệp quốc năm 1985 được chia làm hai loại:

(1) Quyền được đền bù thiệt hại từ nguồn tiền của người phạm tội. Trong trường hợp tội phạm thực hiện bởi những người có thẩm quyền thì trách nhiệm khắc phục hậu quả, phục hồi cho nạn nhân thuộc về Chính phủ có hoặc cơ quan có người đại diện đã gây ra hành vi phạm tội đó.

(2) Quyền được bồi thường và quyền được hỗ trợ cần thiết từ nhà nước và cộng đồng. Cụ thể: (1) Đối với quyền được bồi thường từ nguồn quỹ công xuất hiện khi việc đền bù cho nạn nhân không đủ từ người phạm tội và từ những nguồn khác; (2) Đối với nhóm quyền được nhận sự hỗ trợ cần thiết từ nhà nước và cộng đồng thì người bị hại được nhận sự hỗ trợ cần thiết về các dịch vụ y tế, bảo trợ khẩn cấp, dịch vụ trợ giúp phục hồi tâm lý, cũng như các nguồn viện trợ nhân đạo khác từ Chính phủ, Tổ chức phi Chính phủ và cộng đồng...

Cùng với đó, Đại hội đồng Liên hiệp quốc cũng đã thông qua Nghị quyết số 1998/21

ngày 28/7/1998 về các tiêu chuẩn của Liên hiệp quốc trong công tác phòng, chống tội phạm và tư pháp hình sự, trong đó cũng đã có những quy định liên quan đến bảo đảm quyền đối với nạn nhân của tội phạm.

Đối với Điều ước quốc tế trong khu vực, ngày 15/3/2001 Công ước châu Âu về vai trò, vị trí của người bị hại trong tố tụng hình sự đã được thông qua bởi Đại hội đồng Liên minh châu Âu. Đến ngày 04/10/2012, Ủy ban châu Âu đã bỏ phiếu thông qua một đạo luật mới với tên gọi “Chỉ thị của Ủy ban châu Âu về bảo đảm các quyền tối thiểu của nạn nhân của tội phạm, MEMO/12/659”⁴.

Đặc biệt, tháng 10/2009, Hiệp hội các quốc gia ASEAN đã thành lập được cơ chế khu vực đầu tiên bảo vệ và thúc đẩy quyền con người với tên gọi Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR) - giữ vai trò là cơ quan nhân quyền của ASEAN, được thành lập theo Điều 14 Hiến Chương của ASEAN. Tiếp sau cơ chế AICHR, ngày 07/4/2010, Ủy ban thúc đẩy và bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC) đã ra đời. Trong Thông cáo chung của các Ngoại trưởng 10 nước thành viên ASEAN đã khẳng định: “Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR) với tư cách là một thể chế bao trùm về hợp tác khu vực trong lĩnh vực quyền con người. Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo đảm hoạt động hiệu quả của AICHR và mối quan hệ thích hợp với AICHR của ACWC và các cơ quan chuyên môn khác của ASEAN về quyền con người phù hợp với các điều khoản tham chiếu của AICHR”⁵.

3. Kiến nghị và đề xuất

Thứ nhất, quyền được công nhận là người bị hại. Cần bổ sung những quy định liên quan đến việc công nhận cá nhân là người bị hại thông qua các văn bản tố tụng cụ thể của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nhằm bảo đảm cho quyền của người bị hại được quy định một cách rõ ràng, công khai. Bổ sung vào quy định về người bị

hại tại Điều 62 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) như sau: “người bị hại được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng công nhận khi xác định có dấu hiệu thiệt hại”. Theo đó, thời điểm để cơ quan tiến hành tố tụng công nhận một cá nhân là người bị hại khi xác định sơ bộ có dấu hiệu thiệt hại do tội phạm gây ra. Khoảng thời gian công nhận tư cách người bị hại có thể được tiến hành sau khi khởi tố vụ án hình sự cho đến trước ngày quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc thừa nhận người bị hại phải được thể hiện bằng văn bản (thông báo hoặc quyết định).

Thứ hai, quyền được tham gia tố tụng. Cần nghiên cứu về việc bổ sung các quy định làm rõ các quyền của người bị hại trong giai đoạn trước xét xử, theo hướng cho phép người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến vụ án nếu không thuộc bí mật nhà nước để phục vụ cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại; quá trình xét xử cần bổ sung quy định làm rõ hơn quyền tham gia xét hỏi của người bị hại, tại phiên tòa để bảo đảm người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ được quyền hỏi thêm về những tình tiết liên quan đến quyền lợi của mình; người bị hại trình bày lời buộc tội và lời luận tội tại phiên tòa bằng cách nêu rõ hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội sau khi kiểm sát viên trình bày xong.

Thứ ba, cần quy định trực tiếp về quyền được thông tin đối với người bị hại trong *Bộ luật Tố tụng hình sự* Việt Nam hiện hành. Cần sửa đổi quy định tại Điều 62 theo hướng đưa nội dung làm rõ người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền được thông tin. Cụ thể: “Bị hại có quyền được thông tin hoặc quyền yêu cầu cung cấp thông tin về việc giải quyết vụ án hình sự, gồm: được thông báo về kết quả giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm; được giải thích về quyền và nghĩa vụ; được nhận quyết định

không khởi tố vụ án hình sự; được thông báo về việc khởi tố vụ án hình sự, những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch; được thông báo về kết quả điều tra; được nhận quyết định tạm đình chỉ điều tra; được nhận quyết định đình chỉ hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án; được đọc biên bản phiên tòa, được yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa; được giao bản án sơ thẩm và phúc thẩm; được biết địa chỉ yêu cầu cung cấp về các thông tin giải quyết vụ án hình sự”.

Thứ tư, quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, các quyền và lợi ích hợp pháp khi tham gia tố tụng. Sửa đổi quy định theo hướng những người có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ, bao gồm: bản thân người được bảo vệ; người đại diện hợp pháp, người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người được bảo vệ. Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 62 theo hướng đưa nội dung làm rõ người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền được bảo vệ như sau: “khi có căn cứ để cho rằng bị hại bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, tài sản, sức khỏe, uy tín, danh dự, nhân phẩm và tài sản thì cơ quan đang tiến hành tố tụng có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ. Bị hại được quyền nhờ luật sư, bào chữa viên nhân dân hoặc người khác được cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án chấp nhận bảo vệ quyền lợi cho mình. Ngoài ra, bị hại cũng được giữ bí mật thông tin theo yêu cầu chính đáng của họ”.

Thứ năm, quyền được thực hiện các biện pháp bồi thường thiệt hại. Thực hiện yêu cầu của pháp luật quốc tế, cần bổ sung trách nhiệm bồi thường nhà nước đối với trường hợp không có nguồn bồi thường từ người phạm tội. Cùng với đó, cần quy định cụ thể việc người bị hại trong các vụ án đã nhận bồi thường từ Nhà nước sẽ phải trả lại khi nhận được bồi thường từ người phạm tội hoặc nguồn khác; hoặc trong trường hợp thiệt hại xảy ra do lỗi của người bị hại cũng có thể bị từ chối bồi thường.

4. Kết luận

Việc bảo đảm quyền của nạn nhân trong tố tụng hình sự và trong toàn bộ hệ thống tư pháp hình sự đã trở thành một nguyên tắc cơ bản trong pháp luật quốc tế hiện đại. Quá trình phát triển, từ Tuyên bố năm 1985 của Liên hiệp quốc đến các nghị quyết, công ước, chỉ thị ở cấp khu vực, có thể thấy sự chuyển dịch từ nhận thức quyền lợi đơn thuần sang việc thiết lập các cơ chế hỗ trợ thực chất cho nạn nhân.

Tuy nhiên, việc triển khai các quyền này tại từng quốc gia, khu vực còn nhiều thách thức do sự khác biệt về trình độ phát triển pháp lý, văn hóa pháp lý và nguồn lực xã hội. Do đó, yêu cầu đặt ra trong thời gian tới cần tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý quốc tế và khu vực; đồng thời, thúc đẩy nội luật hóa, đào tạo và triển khai các cơ chế hỗ trợ nạn nhân một cách đồng bộ, hiệu quả, vì một hệ thống công lý lấy con người làm trung tâm.

Chú thích:

1, 3. Liên hiệp quốc (1985). *Tuyên ngôn về các nguyên tắc cơ bản của tư pháp hình sự về nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực* (được Đại Hội đồng Liên hiệp quốc thông qua theo Nghị quyết 40/34 ngày 29/11/1985).

2. Quốc hội (2015). *Khoản 1 Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015* (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

4. Ủy ban châu Âu (2012). *Chỉ thị của Ủy ban châu Âu về bảo đảm các quyền tối thiểu của nạn nhân của tội phạm*, MEMO/12/659

5. *Thông cáo chung Hội nghị AMM-43*. <https://vov.vn>, ngày 20/7/2010

Tài liệu tham khảo:

1. Liên hiệp quốc (1945). *Hiến chương Liên hiệp quốc năm 1945*.

2. Liên hiệp quốc (1948). *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948*.

3. Liên minh châu Âu (1950). *Công ước bảo vệ Nhân quyền và các quyền tự do căn bản năm 1950*.